

TRẦN HỮU SƠN*

LỄ CẤP SẮC (ĐỘ GIỚI) CỦA DÂN TỘC DAO: NGHIÊN CỨU SO SÁNH GIỮA NHÓM DAO KIỀM MIỀN VÀ DAO KIỀM MÙN

Tóm tắt: Nghiên cứu sự giống và khác nhau trong nghi lễ cấp sắc (độ giới) của người Dao Kiềm Mùn và Dao Kiềm Miền là vấn đề quan trọng nhằm hiểu rõ đặc trưng tôn giáo, tín ngưỡng người Dao. Bài viết dưới đây được thực hiện trên cơ sở khảo sát điền dã về hai nhóm Dao trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam, nhằm làm rõ những điểm giống nhau trong lễ cấp sắc của người Dao Kiềm Miền và Kiềm Mùn. Bên cạnh đó, tác giả đặc biệt nhấn mạnh về những điểm khác nhau của nghi lễ được phản ánh qua độ tuổi người cấp sắc, giới tính người cấp sắc, mục đích cấp sắc, không gian thiêng trong lễ cấp sắc, các nghi thức của lễ cấp sắc....

Từ khóa: Tín ngưỡng tộc người, nghi lễ, lễ cấp sắc (độ giới), Dao Kiềm Mùn, Dao Kiềm Miền.

Dẫn nhập

Người Dao có hai nhóm lớn là Dao Kiềm Miền và Dao Kiềm Mùn. Sự phân chia này được thực hiện dựa trên yếu tố ngôn ngữ. Ngoài ra, giữa hai nhóm còn tồn tại nhiều điểm khác biệt, như: thần linh, trang phục, nghi lễ,... trong đó, đặc biệt phải kể đến lễ cấp sắc. Sự khác nhau trong lễ cấp sắc được thể hiện ở nhiều khía cạnh: Đối tượng của nghi lễ; Thời gian tổ chức nghi lễ; Các thành tố của nghi lễ. Trong bài viết này chúng tôi tập trung phân tích các yếu tố giống và khác nhau trong lễ cấp sắc của hai nhóm, đồng thời, phân tích nguyên nhân, điều kiện chi phối đến sự giống, khác nhau đó.

Ở Việt Nam, hai nhóm Dao Kiềm Miền và Kiềm Mùn cư trú tập trung ở từng địa hình khác nhau. Ở độ cao trên 1000m, chủ yếu là

* Viện Nghiên cứu Ứng dụng văn hóa và du lịch.

Ngày nhận bài: 25/12/2024; Ngày biên tập: 28/12/2024; Duyệt đăng: 18/1/2025.

nhóm Dao Kiềm Miền với các tên gọi khác nhau (Dao Đỏ, Dao Quần Chẹt, Dao Lô Gang, Dao Đại Bản, Cốc Ngáng, Cốc Mùn); nhóm Dao Kiềm Mùn thường ở vùng thấp có độ cao dưới 1000m, với các ngành (Dao Làn Tẻn, Dao Áo Dài, Dao Chàm, Dao Quần Trắng, Dao Đầu Bàng,...). Theo tổng điều tra dân số tháng 4/2019, người Dao ở Việt Nam có 891.151 người, trong đó, khoảng hơn 60% là nhóm Dao Kiềm Miền, còn lại gần 40% là nhóm Dao Kiềm Mùn.

Cho đến nay, các công trình nghiên cứu về lễ cấp sắc của người Dao không nhiều. Ngoài các bài báo khoa học đi sâu vào từng vấn đề của lễ cấp sắc, hiện nay mới có một số cuốn sách mang tính chất chuyên khảo về lễ cấp sắc của người Dao ở Trung Quốc và Việt Nam. Ở Việt Nam cuốn sách đầu tiên viết về lễ cấp sắc người Dao là cuốn *“Lễ cấp sắc người Dao Lô Gang ở Lạng Sơn”* của tác giả Phan Ngọc Khuê, xuất bản năm 2003. Tác giả thứ hai nghiên cứu về lễ cấp sắc là nhà nghiên cứu trẻ người Dao – Bàn Tuấn Năng với công trình *“Lễ cấp sắc người Dao ở Việt Nam”* vào năm 2019. Thực chất đây là công trình nghiên cứu về lễ cấp sắc của người Dao Tiền ở Cao Bằng, Bắc Kạn. Công trình này cũng chủ yếu sử dụng phương pháp miêu thuật dân tộc học, trong đó tác giả đã lí giải phân tích một số nghi lễ, các yếu tố chi phối lễ cấp sắc. Ngoài các sách mang tính chất chuyên khảo còn có các phần viết về lễ cấp sắc như Bé Viết Đăng - Nguyễn Khắc Tụng- Nông Trung – Nguyễn Nam Tiến, đề cập trong công trình *“Người Dao ở miền Bắc Việt Nam”*. Năm 1971, Lý Hành Sơn trong công trình *“Người Dao Tiền ở Việt Nam”*, cũng dành một chương viết về lễ cấp sắc. Ở Trung Quốc, những nghiên cứu về lễ cấp sắc của người Dao tương đối đa dạng và phong phú. Trong đó có thể kể đến các công trình tiêu biểu, như *“Điều tra điển dã nghi lễ Tẩu Sai của người Dao ở Hồ Nam”* do Lý Tường Hồng, Trịnh Diễm Quỳnh (李祥红, 郑艳琼) chủ biên. Đây là công trình miêu thuật dân tộc học khá kĩ về các nghi thức trong lễ Tẩu Sai (cấp sắc của người Dao Kiềm Miền). Công trình *“Nghiên cứu nhân học nghi lễ cấp sắc của người Dao Lam Điền”* (2021) được tác giả Lưu Đào (刘涛) thực hiện khá công phu, ngoài phần miêu tả các nghi lễ cấp sắc của người Dao Lam Điền, tác giả còn phân tích hệ thống biểu tượng, cấu trúc của lễ cấp sắc. Đặc biệt, công trình *“Dao tộc chí: Bát hương – bản sắc văn hóa và dân tộc của dân tộc Dao Vân Nam”* (2009) của tác giả Hoàng Quý Quyền (黄贵权) đã thực hiện so sánh độ giới giữa hai nhóm Kiềm Mùn và Kiềm Miền. Như vậy, riêng về mảng nghiên cứu về lễ cấp sắc, nếu như ở Trung Quốc, các học giả đã thực

hiện tương đối đồng đều ở cả hai nhóm Kiềm Miền và Kiềm Mùn thì ở Việt Nam mới tập trung ở nhóm Kiềm Miền. Trong đó, các công trình nghiên cứu so sánh độ giới giữa hai nhóm như Hoàng Quý Quyền đã thực hiện là không nhiều. Trong công trình này, tác giả mới chỉ thực hiện so sánh ở những biểu hiện bề ngoài thông qua miêu thuật, còn các nội dung như: so sánh cấu trúc hệ thống các thành tố nghệ thuật, so sánh tôn giáo tín ngưỡng cũng như lý giải sự giống và khác nhau là chưa thực hiện hoặc có nhưng chưa rõ ràng. Bài viết sau đây sẽ tiến hành nghiên cứu, so sánh lễ cấp sắc của hai nhóm Dao Kiềm Miền và Kiềm Mùn ở Việt Nam trên những phương diện nói trên.

1. Một số đặc điểm giống nhau giữa nghi lễ cấp sắc của người Dao Kiềm Miền và Kiềm Mùn

Nghi lễ cấp sắc của người Dao Kiềm Miền và Kiềm Mùn có chung một số đặc điểm sau:

1.1. Ở các cấp độ: cấp sắc ba đèn, cấp sắc bảy đèn, cấp sắc 12 đèn hoặc cấp sắc Cấp 1: Tăng Đèn (Đặng Yên) – Hạnh Ho (Hạnh Hạ chay); cấp sắc Cấp 2 Thanh Đăng: Tu Pu – Công Hìn; cấp sắc Cấp 3: Công Vương – Mì Dồn Chải; Cấp 4: Minh Chân – Hồng Wuẩn (Minh Châu Hồng Ân Đại Hội);

1.2. Ở mục đích cấp sắc: đánh dấu sự trưởng thành, sự chuyển tiếp của thành viên trong xã hội, nâng cao uy tín trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng; được sống ở một thế giới tốt đẹp sau khi mất.

Lễ cấp sắc mặc dù diễn ra với đa dạng nghi thức nhưng nội dung chủ đạo gồm các bước sau: tẩy uế - làm sạch chay đàn để đón thánh; mời thánh; dâng tấu sớ bày tỏ thỉnh cầu của thầy cúng và gia chủ lên thánh thánh; dâng tiệc lên thánh thần; tổ chức các nghi thức đánh dấu sự trưởng thành của thành viên được cấp sắc; tiễn thánh thần về thế giới bên kia...

1.3. Chức năng của nghi lễ cấp sắc của hai ngành Dao Kiềm Miền và Kiềm Mùn

Chức năng của nghi lễ thành đinh, chức năng này thể hiện đậm nét ở người Dao Làn Tền (ở Lào Cai gọi là Dao Tuyển) (cấp sắc ở độ tuổi trẻ em nam bước vào tuổi trưởng thành), trẻ em nam cũng trải qua các thử thách đặc biệt trong cuộc sống như ăn kiêng (ăn chay), ngủ một mình với thầy, kiêng ngủ với vợ, vượt qua các thử thách đặc biệt như trèo lên núi Dao, leo núi ban đêm.... Dấu vết nghi lễ thành đinh ở nhóm Dao Kiềm Miền chỉ còn bóng dáng lơ mờ, không rõ nét. Vì lứa tuổi cấp sắc của họ lại thường

là tuổi trưởng thành. Việc cấp sắc là phong cấp của Đạo giáo chứ không còn sự đánh dấu tuổi trưởng thành. Tuy nhiên ở nhóm Dao Kiềm Miền vẫn còn những dấu vết, thử thách như bước qua lưỡi cày nung, nhào lộn với động tác khó, trèo lên đàn thờ vượt qua các núi dao.... Họ cũng ăn kiêng, ngủ kiêng, sinh hoạt theo một kỷ luật nghiêm khắc.

Chức năng xã hội. Khi cấp sắc thành công, người được cấp sắc như một người được “tái sinh”, trở về cộng đồng với vai trò mới, vinh dự mới. Họ được cả cộng đồng đón tiếp, vinh danh (giống như vừa có tên trên bảng thông báo đỗ đạt quan tân khoa). Trong cộng đồng, họ có quyền thay mặt gia đình đi họp hội nghị của cộng đồng, khi trưởng thành sẽ được lựa chọn bầu làm trưởng thôn; khi về già cũng trở thành người có uy tín, *già làng* của cộng đồng. Sự tôn trọng này được thể hiện cả trong các nghi lễ, sắp xếp vị trí ăn uống, có quyền tham dự các nghi lễ quan trọng của cộng đồng.

- *Chức năng tôn giáo.* Sau lễ cấp sắc, người được cấp sắc đã có điều kiện cơ bản nhất để trở thành thầy cúng (ngoài ra, còn phụ thuộc vào sự lựa chọn của người được cấp sắc, vào năng lực thực hành pháp thuật, vào uy tín trong cộng đồng, ...); sau khi chết mới được về với thế giới của tổ tiên (Thiên phủ hoặc Dương Châu Đại Điện). Theo quan niệm của người Dao Kiềm Miền, cả vợ và chồng tham gia cấp sắc (theo các cấp ba đèn, bảy đèn và 12 đèn) thì cả vợ và chồng sau khi chết đều được về với tổ tiên. Trường hợp gia đình nghèo chưa làm được cấp sắc cho người thân thì người chồng (dù còn trẻ hay cao tuổi mà vợ đã khuất núi từ trước) thì đều có nghi lễ cấp sắc đeo thẻ của vợ ở chân của mình. Như vậy, cấp sắc còn giúp cho hai vợ chồng đủ điều kiện về với thế giới của tổ tiên. Sau nghi lễ cấp sắc người Dao Kiềm Miền sẽ được phong cấp trở thành người bảy đèn hay 12 đèn. Người Dao Kiềm Mùn sau lễ cấp sắc cũng được trang bị đầy đủ kiến thức về Đạo giáo (thông qua việc đọc kinh thư và các nghi lễ). Họ cũng chính thức trở thành một thành viên của Đạo giáo. Như vậy, lễ cấp sắc của nhóm Kiềm Mùn và Kiềm Miền có chung về chức năng của nghi lễ. Lễ cấp sắc như một tập thể tạo cho họ bước vào cuộc đời được bình đẳng, được cộng đồng coi trọng.

Ngoài ra, sự giống nhau trong nghi lễ cấp sắc của cả nhóm Kiềm Miền và Kiềm Mùn là khối lượng lớn *Kinh thư* được trang bị cho người cấp sắc. Nội dung của Kinh thư phần đa là các bộ kinh của Đạo giáo nhưng đã được Dao hóa. Kho tàng kinh thư của hai nhóm Kiềm

Miền và Kiềm Mùn (sách bên Đạo) đều tương đối giống nhau¹. Họ có cả các nghi lễ riêng về đọc kinh cũng như các *lời thề, nguyện* trước đàn thờ dưới sự giám sát của các thầy cúng. Tuy nội dung thề, nguyện của nhóm Kiềm Mùn khác với nhóm Kiềm Miền nhưng thực chất đây là sự khác biệt về tiểu tiết còn toàn bộ ý nghĩa, yêu cầu của lời thề, nguyện đều giống nhau.

2. Sự khác nhau trong nghi lễ cấp sắc của người Dao Kiềm Miền và Kiềm Mùn

Nghi lễ cấp sắc của người Dao Kiềm Mùn khác hẳn với nhóm Dao Kiềm Miền ở *đối tượng, độ tuổi, giới tính, thời gian của người được cấp sắc* cũng như *hệ thống các nghi thức trong lễ cấp sắc*.

2.1. Độ tuổi cấp sắc

Đối tượng cấp sắc của nhóm Dao Kiềm Mùn tập trung chủ yếu vào các bé trai có tâm tuổi từ bảy đến trước 18 tuổi. Năm 2023, trong 17 lễ cấp sắc được khảo sát của nhóm Dao này trên địa bàn ba tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang thì có tới 15 lễ dành cho trẻ từ 10 tuổi đến 16 tuổi, chỉ có hai đối tượng là người trưởng thành (một người 30 tuổi, một người 38 tuổi). Theo quan niệm của người Dao Làn Tẻn, cấp sắc cho trẻ nhỏ để đưa trẻ sớm trở thành người trưởng thành, có đủ điều kiện gánh vác trách nhiệm của một thành viên trong cộng đồng xã hội và có thể gia nhập đội ngũ thầy cúng (nếu đủ điều kiện). Nhưng ở nhóm Dao Kiềm Miền, trong 12 nghi lễ cấp sắc được khảo sát ở Sa Pa tỉnh Lào Cai trong bốn năm gần đây (2020 - 2023), độ tuổi của đối tượng được cấp sắc lại chia như sau: cấp sắc cấp ba đèn chủ yếu là những đứa trẻ từ bảy đến 16 tuổi hoặc những người nhiều tuổi hơn nhưng do điều kiện kinh tế không cho phép nên tổ chức muộn hơn. Theo phong tục, trẻ em người Dao Đỏ đến 13 tuổi trở lên có thể được cấp sắc ba đèn, nhưng người Dao chủ yếu đợi cho con lấy vợ thì cấp sắc cả hai vợ chồng. Do đó, tuổi của người Dao cấp ba đèn hiện nay thường từ 20 tuổi trở lên. Còn cấp sắc 12 đèn chủ yếu là người đã trưởng thành, đã qua cấp sắc bảy đèn, thường ở độ tuổi trung niên trở lên.

2.2. Giới tính và số lượng người được cấp sắc

Một điểm khác biệt khác giữa hai nhóm Dao là về giới tính đối tượng được cấp sắc. Nhóm Dao Kiềm Mùn chỉ cấp sắc cho nam giới còn nhóm Dao Kiềm Miền là cấp sắc cho cả hai vợ chồng người được cấp sắc (cả nam và nữ). Người có vợ chết, hoặc chồng chết thì làm hình nhân bằng gỗ buộc theo người sống với quan niệm người đó

cũng trở về dương gian và được cấp sắc. Thậm chí có thể cấp sắc cho bố mẹ, ông bà người được cấp sắc dù họ đã chết từ lâu. Số lượng người được cấp sắc trong một đám cấp sắc giữa hai nhóm Kiềm Mùn và Kiềm Miền cũng khác nhau. Ở nhóm Kiềm Mùn chủ yếu là cấp sắc dành riêng cho một đứa trẻ nhưng khoảng 20 năm gần đây, một lễ cấp sắc có thể cùng lúc tổ chức cho hai, ba đứa trẻ có độ tuổi gần bằng nhau trong cùng một gia đình. Ngược lại, với nhóm Kiềm Miền, cấp sắc tập thể cho vài chục cặp vợ chồng là hiện tượng khá phổ biến. Điều này có thể dễ dàng gặp được trong các đợt cấp sắc của người Dao Đỏ ở Lào Cai, Yên Bái những năm từ đầu thế kỉ XXI đến nay.

Như vậy, độ tuổi và hình thức cấp sắc của nhóm Dao Kiềm Miền “linh hoạt” hơn nhóm Dao Kiềm Mùn, nhưng đều hướng đến mục đích chung là để tiết kiệm chi phí, lễ vật và giảm gánh nặng kinh tế cho nhiều gia đình. Bình quân để thực hiện một lễ cấp sắc 12 đèn của riêng từng người tiêu tốn từ 30 đến 50 triệu đồng, nhưng nếu làm tập thể, kinh phí đã giảm đi rất nhiều, chỉ còn khoảng từ 10 đến 12 triệu đồng.

2.3. Cấp bậc và cấp độ của lễ cấp sắc

Dao Kiềm Miền ngoài lễ cấp soái², người ta chia cấp sắc thành ba cấp độ. Tuy nhiên, không phải ai trải qua ba cấp độ này đều trở thành thầy cúng mà tùy theo nguyện vọng của từng cá nhân

Cấp ba đèn: cấp sắc ba đèn là cấp sắc thấp nhất với mục đích công nhận sự trưởng thành của một bé trai hoặc đàn ông. Sau lễ cấp sắc này, người được cấp sắc sở hữu 36 âm binh, có tên âm và đủ tư cách để trở thành thầy cúng (nếu như lựa chọn theo nghề), có thể tham gia vào các hoạt động nghi lễ chung của cộng đồng. Tại xã Tả Phìn (Sa Pa, Lào Cai), trong số hơn 20 người cấp sắc ba đèn chỉ có 11 người lựa chọn làm được thầy cúng.

Cấp bảy đèn: người cấp sắc bảy đèn thường ở độ tuổi trung bình từ 25 đến 30, sau cấp sắc sẽ sở hữu 72 âm binh, được coi là sở hữu sức mạnh phép thuật cao hơn cấp sắc bậc ba đèn. Cũng như trường hợp cấp sắc ba đèn, không phải ai sau khi trải qua cấp sắc bảy đèn cũng lựa chọn làm thầy cúng. Tại xã Tả Phìn, chỉ có 6/21 trường hợp được cấp sắc bảy đèn trở thành thầy cúng.

Cấp 12 đèn: người cấp sắc 12 đèn thường có độ tuổi từ 40 trở lên, sau cấp sắc sẽ sở hữu 120 âm binh, được coi là những người sở hữu sức mạnh phép thuật cao nhất, cao hơn cấp sắc ba và bảy đèn. Tuy nhiên, cũng có trường hợp đặc biệt, được cấp sắc 12 đèn khi mới lên chín tuổi

(học lớp 3) ở xã Nậm Mười, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Trong nghi lễ này, còn có hơn 40 cặp vợ chồng ở các khu vực lân cận cùng đến tổ chức chung. Các thầy cúng nói rằng, chỉ cần gia đình có đủ điều kiện kinh tế và tổ tiên, thần thánh của dòng họ cho phép là có thể tổ chức lễ cấp sắc 12 đèn cho cả những bé trai ở độ tuổi này. Điều đó cho thấy không phải ai trải qua các nghi lễ cấp sắc, kể cả cấp sắc 12 đèn cũng đều trở thành thầy cúng. Tại xã Tả Phìn chỉ có 2/9 trường hợp cấp sắc 12 trở thành thầy cúng. Ở đây chắc chắn nghi lễ cấp sắc còn một ý nghĩa như phù độ cho sức khỏe, hoặc được các thần linh bảo trợ cho người được cấp sắc. Vì thế mới cấp sắc cả cho đứa bé chín tuổi.

Như vậy, phân cấp sắc ba đèn, cấp sắc bảy đèn, cấp sắc mười hai đèn không hẳn là phản ánh về trình độ, năng lực và cấp bậc của các thầy cúng. Thầy cúng được cấp sắc bảy đèn thường là những người được đánh giá là cao về mặt phép thuật, có uy tín trong cộng đồng và có thể thực hiện nghi lễ cấp sắc ba đèn và một số nghi lễ khác mà thầy được cấp sắc ba đèn không thực hiện được (cúng rùng, giải hạn, ...); Riêng thầy cúng mà được cấp sắc 12 đèn được coi là thầy bậc “cao tăng”, sở hữu trình độ pháp thuật cao nhất, có uy tín cao trong cộng đồng, có thể thực hiện được lễ cấp sắc ba đèn, bảy đèn và một số nghi lễ mà hai bậc còn lại không làm được, như tang ma, tạ mả, ... Vào cuối thế kỷ XX, mỗi huyện ở tỉnh Lào Cai chỉ có một đến ba thầy cúng dạng này và muốn làm lễ cấp sắc 12 đèn, người Dao Đỏ ở Bát Xát phải tổ chức đón các thầy cúng ở Yên Bái lên cấp sắc (Phòng văn hóa của tác giả với các thầy cúng tại địa bàn khảo sát là huyện Sa Pa, Bát Xát, 1/2024). Hiện nay, ở hai huyện Sa Pa, Bát Xát tỉnh Lào Cai chỉ có khoảng hơn 20 thầy cúng được cấp sắc 12 đèn. (Tư liệu phỏng vấn sâu của tác giả với tập thể 12 thầy cúng ở Sa Pa và Bát Xát, T4/2024).

Khảo sát thực tế cho thấy Dao Kiềm Mùn chia cấp sắc làm bốn cấp độ quy mô của nghi lễ khác nhau chứ không phải dựa vào cấp bậc khả năng, trình độ thầy cúng đạt được như lễ cấp sắc Kiềm Miên:

+ *Cấp 1 nhỏ nhất (Tăng đèn (Đăng Yén) - Hanh Ho (Hạnh Hạ chay))*: đây là lễ cấp sắc và làm chay³ nhỏ nhất của người Dao Làn Tẻn. Quy mô lễ cúng này chỉ làm trong một ngày, chỉ cần một ông thầy cúng (làm cả bên Đạo giáo và Sư giáo). Đối tượng cúng là Thần nhà “Pau man” và Thần Đế Mẫu “Tà Phù Man”

+ *Cấp 2 Thanh Đăng (Tu Pu – Cống Hìn)*: đây là lễ cấp sắc và cúng chay mời các thần Bàn vương, gia tiên (bốn đời), Đầu Đế về dự.

Mục đích là cầu bình an, chữa bệnh. Thời gian cấp sắc khoảng dưới hai ngày, có đầy đủ thầy cúng bên Sư và bên Đạo.

+ *Cấp 3: Cổng Vương – Mì Dồn Chải*: đây là lễ cấp sắc loại to cầu bình an hoặc hoàn nguyện diễn ra trong ba ngày có sáu thầy cúng chính và nhiều thầy cúng phụ của bên Sư và bên Đạo.

+ *Cấp 4: Minh Chân – Hồng Wuăn (Minh Châu Hồng Ân đại hội)*: đây là lễ cấp sắc và làm chay lớn nhất, nhưng hơn 10 năm nay không được tổ chức ở tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Hà Giang... Ở Trung Quốc, theo Hoàng Quý Quyền, lễ cấp sắc quy mô này cũng đã từ lâu không còn được tổ chức. Nghi lễ này huy động đông đảo thầy cúng đến thực hiện, thời gian tổ chức bảy ngày; mục đích là để hoàn nguyện (tức là thực hiện nghi thức trả lễ cho một lời hứa nào đó của gia chủ với tổ tiên, thần thánh trước đó) hoặc cấp sắc cầu con, cầu thọ, giải hạn. Nghi lễ này rất tốn kém, nghi thức phức tạp, cần nhiều thầy giỏi nên hiện nay không còn tổ chức nữa.

Như vậy, các cấp độ cấp sắc làm chay của người Dao Kiềm Mùn không phải là trình độ cao thấp như Kiềm Miền mà chủ yếu là quy mô và mục đích của lễ cấp sắc và làm chay.

2.4. Không gian thiêng trong lễ cấp sắc

Không gian thiêng được nhiều nhà Xã hội học, Nhân học, Tôn giáo học nghiên cứu. Mircea Eliade (1956) đã đề cập đến không gian thiêng trong các công trình *Bàn về nguồn gốc các tôn giáo* (1948), *Thiên và Phàm* (1956), ông nhấn mạnh “mọi không gian thiêng bao hàm một sự linh hiển, một sự xâm nhập của cái thiêng mà hệ quả là tách một mảnh đất khỏi môi trường cư trú xung quanh và làm cho nó khác hẳn đi về chất” [M. Eliade 1956: 27]. M. Eliade còn cho rằng: “không gian thiêng luôn chiếm lĩnh vị trí đặc biệt và là nơi trung gian, hay là một lối mở mà từ đó con người tìm kiếm sự giao tiếp với thần linh” [Hoàng Văn Chung, 2022: 62].

Không gian thiêng của nhóm Dao Kiềm Mùn: Lễ cấp sắc của người Dao Làn Tẻn diễn ra tại các địa điểm nhất định ở bên trong và bên ngoài khuôn viên ngôi nhà. Trước đó, trong nhà chỉ có không gian thiêng là nơi đặt bàn thờ tổ tiên và ma nhà. Khi tổ chức lễ cấp sắc, các không gian hành lễ được dựng lên, gồm đàn cúng chính (Thượng Bát đàn), đàn cúng phụ (Hạ Bát đàn), kinh buồng (nơi người cấp sắc tập đọc kinh), Thiên Đình sở, Ngũ đài. Năm không gian này được coi là những không gian thiêng của nghi lễ, là nơi đón các vị thần về hành lễ với các nghi thức

khác nhau, chức năng khác nhau. Như vậy, trong bài viết này, khái niệm Không gian thiêng được hiểu là *nơi gặp gỡ giữa các vị thần linh và thầy cúng ở ngôi nhà cấp sắc trong một thời gian thiêng nhất định (thời gian bắt đầu khi thần linh xuống và kết thúc khi tiễn thần linh đi).*

Thượng Bát đàn: Trong các không gian thiêng của lễ cấp sắc thì Thượng Bát đàn là không gian có diện tích lớn nhất cũng như có vai trò quan trọng nhất. Đây là đàn cúng nơi trú ngụ của các vị thần ở các miếu thần tiên trên thế giới Thiên Phủ xuống trú ngụ trong thời gian làm lễ. Vì vậy, đàn cúng chính (Thượng Bát đàn) được chuẩn bị khá công phu. Gia chủ làm lễ mời Thần Lỗ Ban vào rừng lấy vật liệu dựng thành tám phen trước bàn thờ cao hai mét rộng khoảng hơn ba mét. Thượng Bát đàn được trang trí bằng giấy màu cắt thành hoa văn nhiều hình dạng, các hàng chữ Nôm Dao ghi tên các địa danh (nơi trú ngụ của các vị thánh thần), ghi chức vị của các ông thầy cúng bên Đạo và bên Sư cùng các câu đối và các cửa có bát hương nơi các vị thần về tạm trú.

Ở chính giữa Thượng Bát đàn có địa danh “Bản bụ đen” - Văn Võ Điện - là vị trí phân chia giữa bên Sư (Tam Nguyên) và bên Đạo (Tam Thanh). Từ đây chiếu xuống phía dưới các bát hương mời thần cũng đều chia làm hai bên: Sư và Đạo. Ở bên Sư thì ghi tên các nơi trú ngụ (địa danh phủ) của thần thuộc phái Tam Nguyên. Ở bên Đạo cũng ghi tên nơi trú ngụ (địa danh phủ) của thần thuộc phái Tam Thanh.

Hạ Bát đàn: Hạ Bát đàn nằm ở vị trí đối diện với Thượng Bát đàn, ở phía bên kia sàn nhà gian giữa. Hai bên vách này đối diện với Thượng Bát đàn. Hạ Bát đàn được phân làm hai phần ở hai bên tường phía trái cửa và bên phải cửa⁴. Bên trái là nơi thờ một số thần linh của Đạo giáo (có một bát hương và hai hình nhân - mặt nạ màu đỏ), nơi đặt hai hình nhân này là nơi thờ Ngọc Hoàng với các Công Tào. Bên phải Hạ Bát đàn là một bát hương nơi thờ Bàn vương và bố mẹ của thầy ở bên Sư (bố mẹ của sư phụ). Nơi thờ Bàn vương cũng là không gian tổ chức hội Bàn vương, diễn xướng *Bàn vương ca*. Bố mẹ của sư phụ được thờ ở đây có nhiệm vụ ngăn cản ma, quỷ xấu xâm nhập Bát đàn. Trong đó, vai trò của sư mẫu là quan trọng nhất vì chỉ có bà mới có quyền năng ngăn chặn ma quỷ mạnh mẽ, còn cha sư phụ là người bên cạnh trợ giúp.

Kinh buồng: Kinh buồng là buồng đọc kinh của cậu trò được cấp sắc. Nơi đây, ông thầy cúng dạy trò đọc kinh ngày đêm. Kinh buồng nằm ở gian trái của gian dựng đàn thờ, tượng trưng cho núi Long Hồ

son - được coi là thánh địa, là nơi mà Trương Đạo Lăng đã sống, tu tập và sáng lập ra Đạo giáo. Do đó kinh buồng cũng tượng trưng cho nơi tu luyện, học tập kinh thư của Đạo giáo. Tại đây, thầy bên Đạo sẽ dạy cho học trò các bài kinh thiết yếu. Lúc này, theo quan niệm của tộc người, người được cấp sắc mới ở trong giai đoạn “ấu trùng”, còn vô cùng yếu ớt và dễ bị các thế lực ma quỷ làm hại, nên mỗi khi ra ngoài phải dùng ô hoặc đội nón che mặt/đầu, ô hoặc nón được các thần phù phép bằng các chữ ghi rõ chức năng bảo vệ như: “*Thiên sư bảo phủ, Tứ soái bảo phủ*”.

Thiên Đình sở: Phía ngoài cửa có một ngôi miếu nhỏ được trang trí bằng giấy màu vàng, màu đỏ, trên có ghi dòng chữ *Thiên Đình sở* - là miếu thờ Thành hoàng làng, đồng thời cũng là nơi họp mặt của các vị thần của thiên đình, các thần hạ giáng tại đây đợi Thành hoàng làng mở cửa rồi mới vào được đàn cúng; Thiên đình sở cũng là một trong những địa điểm thực hiện nhiệm vụ ngăn chặn ma xấu, ma ác và vị thần có chức năng ngăn chặn chính là Thành hoàng làng. Theo quan niệm của người Dao Kiềm Mùn, Thành hoàng mang giới tính nam. Ở đây, chúng ta thấy xuất hiện một kết cấu đối lập trong tương hỗ, đó là vị thần tại “chốt chặn” ma xấu ngoài cửa (Thiên đình sở) - nam giới (Thành hoàng) và vị thần tại “chốt chặn” trong cửa (hạ bát đàn) là nữ giới (vợ của sư phụ bên Sư) đảm bảo cho một không gian linh thiêng, tinh sạch cho người thực hành nghi lễ. Từ đây có thể thấy, vai trò Thành hoàng vô cùng quan trọng: vừa là vị thần cai quản, bảo vệ không gian thiêng, vừa là người giám sát, đón tiếp các thần từ Thiên đình xuống. Ngoài ra, Thiên đình sở còn là nơi trú ngụ của các vị thần ngoại tại (như thổ địa, xã vương...)

Ngũ đài: thường được lựa chọn ở những nơi bằng phẳng trên sườn hoặc mặt đồi, nằm phía trước ngôi nhà. Ngũ đài được làm mặt sàn gỗ có bốn cột chống đỡ, có thang năm bậc ghép bằng dao dẫn lên, mặt chính hướng về phía Đông, độ cao luôn phải thấp hơn độ cao ngũ đài của sư phụ chính bên Sư trong nghi lễ. Đây là biểu tượng đại diện cho núi Mai Sơn - vốn là trung tâm tu hành của Đạo giáo phái Tam Nguyên – là giáo phái Đạo giáo có ảnh hưởng lớn đến tín ngưỡng, tôn giáo của nhóm Dao Kiềm Mùn, đồng thời cũng là ngọn núi thiêng của sư phụ bên Sư trong tộc người. Theo sự tích, đây là một ngọn núi cao, hiểm trở, có nhiều thử thách đối với các sư công. Trước khi làm lễ thầy bên Sư phải múa võ, thực hiện nghi thức tẩy uế và phép thuật bảo vệ *Ngũ đài*.

Không gian thiêng của người Dao Kiềm Miền (đại diện nhóm Dao Đỏ)

Không gian thiêng của nhóm Kiềm Miền được tạo bởi bốn không gian khác nhau: Không gian của *Trung Môn*, không gian của *Pầu Lào* (đại lồ), không gian của *Tò Sên* (Độ Sơn), không gian núi *Mai Sơn*. Điểm khác biệt nổi bật về không gian thiêng giữa hai nhóm Dao thể hiện ở quy mô và diện tích của không gian, cụ thể không gian thiêng của nhóm Kiềm Miền bao giờ cũng chiếm diện tích lớn và quy mô hoành tráng hơn không gian thiêng của nhóm còn lại.

Trung Môn: Người Kiềm Mùn thường làm lễ cấp sắc ở trong ngôi nhà của gia chủ (có con cấp sắc) nhưng ở người Dao Đỏ (nhóm Kiềm Miền) căn cứ số lượng người cấp sắc, phải dựng một gian nhà tạm, diện tích đủ lớn để thực hiện cấp sắc 12 đền cho nhiều người cùng một lúc. Ngôi nhà được gọi là *Trung Môn*, đầu nhà (bố trí gian Khổng Tử) hướng theo hướng Đông, cuối nhà (gian bếp nấu nướng và địa điểm ăn uống của phụ nữ) ở hướng Tây. Theo chiều dọc gian *Trung Môn* được bố trí làm bốn phần: phần ngoài cùng (hướng Bắc) là nơi sinh hoạt của khách và nơi ăn uống của những người được cấp sắc; phần thứ hai là các cửa cúng thần, tu luyện, đọc kinh, nơi ngủ của người được cấp sắc; phần thứ ba là nơi treo tranh thờ; phần thứ tư được ngăn kín là nơi tu và nghỉ của phụ nữ - vợ của những người nam giới được cấp sắc. Trong *Trung Môn* nơi linh thiêng nhất là nơi dựng bàn thờ “*Trụ Chông*” – bàn thờ tổ tông của trưởng nhóm cấp sắc. Trên bức tường, nơi đặt bàn thờ sẽ treo các tranh thờ các vị thần (có nơi treo 18 bức, nhiều vùng người Dao Đỏ tỉnh Tuyên Quang) nhưng cũng có nơi treo 36 bức như nhóm Dao Đỏ ở Sa Pa Lào Cai, Dao Đỏ ở miền Tây tỉnh Yên Bái. Ở *Trung Môn*, vị trí linh thiêng thứ hai (sau bàn thờ Tổ Tông) chính là các cửa và bàn thờ của các vị thần Tam Thanh, Ngọc Hoàng, Thánh Chủ, Hải Phiên, Hữu Thánh (Thái Úy), Thiên phủ Địa phủ, Dương gian Thủy phủ, Trương Thiên Sư, Lý Thiên Sư, Giám trai, Ngũ kỳ bình mã, Tứ trực công tào. Trong các bàn thờ thánh, bàn thờ Tam Thanh và Ngọc Hoàng ở chính giữa - nằm vị trí trang trọng nhất; bàn thờ Giám trai nằm ở cửa bếp, nơi ăn uống của phụ nữ; bàn thờ Tứ trực Công Tào nằm ở phía ngoài cửa chính của *Trung Môn*.

Mỗi một cửa, mỗi bàn thờ thánh đều có tranh cắt giấy, cắt vẽ các biểu tượng của các vị thần thánh trong Đạo giáo và có chữ của từng ghi tên của từng vị. Cửa và bàn thờ cũng nằm đối diện với bức tường treo tranh từng vị thánh. Đặc biệt, ở *Trung Môn* các biểu tượng tranh cắt

giấy dán ở bàn thờ và ghế của người cấp sắc đều là những biểu tượng nổi bật trong huyền thoại và trong hội họa của người Dao Kiềm Miền. Trước hết, là 12 sợi dây sắn dây được bó thành một bó căng dài từ bàn thờ Tổ Tông đến hết gian Trung Môn. Đây là biểu tượng của 12 dòng họ trong truyền thuyết Bàn Vương của người Dao. Bên cạnh đó, còn có các hoa văn cắt thành quả bầu trang trí ở các cửa đón thần và ghế của người cấp sắc. Quả bầu là biểu tượng thiêng xuất hiện trong câu chuyện về nạn hồng thủy, người Dao nhờ trốn trong quả bầu mà tránh được hồng thủy, đồng thời đây cũng là biểu hiện của “văn hóa bầu bí” - câu chuyện về nguồn gốc của các dân tộc được lưu truyền ở nhiều nơi trên thế giới. Biểu tượng con rùa như vị cứu tinh, thần phù trợ cho người Dao cũng được chạm khắc trong tranh cắt giấy và ghế của nam giới được cấp sắc 12 đèn. Ngoài ra, khắp Trung Môn đều có tên các địa danh - nơi tu luyện, nơi ở của các vị thánh.

Đài Pầu Lầu (Phàng Đại Lầu): thường đặt ở phía trước cửa chính của Trung Môn, là sàn gỗ hình vuông, đặt sát mặt đất, là nơi cấp kỷ (sớ điệp công nhận hai vợ chồng đã kết hôn dưới sự chứng giám của Ngọc Hoàng). Phàng Đại Lầu vốn là một gác lớn ở trên cao, nhưng hiện nay, người Dao Kiềm Miền thường thiết kế đặt sát mặt đất, dù vậy vẫn luôn được kê thành hai tầng ngang để thể hiện ý đó.

Tò Sên (Độ Sơn): Tò Sên nằm ở hướng Đông của nhà Trung Môn. Đây là đài cao hình vuông có bốn cột to chống đỡ, trên mỗi cột đều có cành phan nổi với trời. Trên Tò Sên, hướng Đông có bàn thờ Ngọc Hoàng, dưới đất góc phía Tây là bàn thờ Thổ Công, Thổ Địa. Khi làm lễ, thầy cúng dâng sớ, thắp hương mời Ngọc Hoàng về chứng giám, cấp ấn (con dấu) cho các học trò.

Núi Mai Sơn: núi Mai Sơn phải là khu rừng (hoặc đồi cao có cây mọc um tùm), ở hướng Đông của nhà Trung Môn. Đây là không gian truyền phép thuật của các thầy cúng cho các học trò, người lạ không được phép lên ngọn núi này.

Như vậy, kết cấu của không gian thiêng trong lễ cấp sắc 12 đèn của người Dao nhóm Kiềm Miền gồm có bốn không gian: nhà Trung Môn - là nơi thực hiện các nghi lễ chính thức, nơi các thần về dự lễ cấp sắc; Đài Pầu Lầu là nơi cấp kỷ cho vợ chồng người được cấp sắc; Tò Sên nơi cấp ấn tín cho vợ chồng người cấp sắc; núi Mai Sơn nơi các thầy cúng truyền phép cho các học trò nam giới được cấp sắc.

2.5. Cấu trúc trong nghi lễ cấp sắc

Nghi lễ cấp sắc của nhóm Dao Kiềm Miền không phân chia thành nghi lễ bên Sư và bên Đạo như Dao Kiềm Mùn. Nhưng nghi lễ cấp sắc của Dao Kiềm Miền đều gắn liền với lễ *Hoàn Bàn Vương nguyện*, tạo thành nghi lễ chung có hai bộ phận là *cấp sắc* và *Hoàn Bàn Vương nguyện (cúng Bàn Vương)*.

Nghi lễ cấp sắc của nhóm Dao Kiềm Mùn có cấu trúc gồm nghi lễ bên Sư và bên Đạo. Đây là nghi lễ cấu trúc theo kiểu hai cặp đối lập, bên Sư là bên Võ Thuật, có nhiệm vụ bắt quỷ trừ tà, còn bên Đạo là bên Văn có chức năng dạy cách ứng xử, cách sống, khuyên răn đệ tử. Mặt khác, lễ cấp sắc Kiềm Mùn còn gắn chặt với lễ làm chay, lễ chay có thể làm riêng nhưng lễ cấp sắc chỉ có thể làm được khi kết hợp với lễ chay. Hai nghi lễ cùng tổ chức phản ánh quan niệm về cấu trúc đối lập: tái giáng sinh cho người được cấp sắc (đứa trẻ) và giải thoát linh hồn cho tổ tiên khỏi địa ngục. Đồng thời, lễ cấp sắc của Dao Kiềm Mùn gắn với lễ làm chay cũng như lễ cấp sắc của Dao Kiềm Miền gắn với lễ Hoàn Bàn Vương nguyện còn nhằm mục đích tiết kiệm chi phí cho các gia đình tổ chức nghi lễ.

2.6. Về các thành tố nghệ thuật trong nghi lễ

Các nghi lễ cấp sắc dù của nhóm Dao Kiềm Mùn hay nhóm Dao Kiềm Miền đều là sự trình diễn các loại hình nghệ thuật khác nhau. Ở đây, có *nghệ thuật ngôn từ* (Độc thơ, đọc các bài cúng, các bài sớ...); có *nghệ thuật trình diễn* (hát đơn ca, hát đồng ca, múa, nhảy, sân khấu hóa...); có *nghệ thuật tạo hình trang trí dân gian* (tranh cắt giấy trên đàn cúng, trang phục với đạo cụ, tranh thờ, mặt nạ...). Nghi lễ cấp sắc được chia thành nhiều nghi thức khác nhau, mỗi nghi thức như một cảnh của nghệ thuật trình diễn với một chủ đề nhất định. Chủ đề đó được phô diễn qua các nghệ thuật ngôn từ diễn xướng, sân khấu (tiền sân khấu), nghệ thuật trang trí. Lễ cấp sắc của người Dao Kiềm Miền (đại diện là nhóm Dao Đỏ) có từ 26 đến 30 nghi thức (tùy vùng, tùy nhóm địa phương). Nhóm Kiềm Mùn (điển hình là Dao Làn Tền) có 16 nghi thức bên Đạo, 17 nghi thức bên Sư. Đặc biệt, nhóm Kiềm Miền có tranh thờ được trưng bày trang trọng ở vị trí linh thiêng nhất, nhóm Dao Kiềm Mùn chỉ có Dao Quần trắng (Dao Họ), Dao Đầu Bằng (Bình Thầu) là có treo tranh thờ được rút gọn còn các nhóm khác đều không treo tranh thờ, tuy nhiên họ đều sử dụng mặt nạ gỗ và giấy. Trong đó, mặt nạ nhiều nhất và phổ biến nhất là nhóm Dao Làn Tền.

Trong lễ cấp sắc của người Dao Làn Tẻn, mặt nạ gỗ có ba loại khác nhau. Loại mặt nạ của nhân vật chỉ đường mở đường cho học trò; loại mặt nạ của hoàng tử thứ hai con Ngọc Hoàng và mặt nạ của Ngọc Hoàng. Đặc biệt, nhóm Dao Quần trắng chỉ có một loại là mặt nạ của ông Bàn Cổ về bảo vệ lễ đài, bảo vệ học trò; người Dao Thanh Y ở Quảng Ninh có mặt nạ Kádong. Loại hình mặt nạ giấy phổ biến nhiều ở nghi lễ cấp sắc cấp độ hai *Thanh Đăng: Tu Pu-Cổng Hìn* và cấp ba *Cổng Vuông Mì Dồn Chải* có tới 18-24 mặt nạ nhưng ở cấp độ bốn số mặt nạ giấy có từ 48 đến 60 mặt nạ. Các mặt nạ giấy là biểu tượng của các vị thần về dự lễ cấp sắc. Do đó, ở nhóm Dao Làn Tẻn cấp độ cấp sắc càng lớn thì số mặt nạ càng nhiều-số thần về dự lễ cấp sắc đông đảo. Riêng ở nhóm Dao Kiềm Miền chỉ có ba mặt nạ được sử dụng trong lễ cấp sắc ba đèn đỏ là mặt nạ của *Tam Thanh* cho thầy cúng *Sư giải*, mặt nạ đỏ đeo cho thầy *Sư giáo*, mặt nạ trắng đeo cho thầy *khai đàn*.

Như vậy, trong nghệ thuật trang trí dân gian bên nhóm Dao Kiềm Miền sử dụng nhiều tranh thờ nhưng bên nhóm Dao Kiềm Mùn (đặc biệt là Dao Làn Tẻn không sử dụng tranh thờ). Nhóm Dao Kiềm Miền chỉ sử dụng ba mặt nạ giấy trong lễ cấp sắc nhưng nhóm Dao Kiềm Mùn vừa sử dụng mặt nạ gỗ (ba mặt nạ với chức năng nhân vật khác nhau) vừa sử dụng nhiều mặt nạ giấy. Đặc biệt, với mỗi cấp độ cấp sắc, người Dao Kiềm Mùn sẽ sử dụng số mặt nạ giấy tương ứng.

3. Một vài nhận xét và kết luận

Người Dao đã sáng tạo nghi lễ cấp sắc với các chủ đề, mục đích giống nhau và đã trở thành nét đặc trưng cho văn hóa tộc người. Tuy nhiên, bên cạnh sự giống nhau còn có những nét khác nhau cơ bản, điều này cho phép người ta dựa vào đó để phân ra những ngành Dao khác nhau. Nguyên nhân của sự khác nhau này bắt nguồn từ cơ tầng văn hóa tộc người và nền tảng tôn giáo tín ngưỡng của từng nhóm Dao. Trong cơ tầng tôn giáo tín ngưỡng của nhóm Kiềm Mùn còn nhiều yếu tố tôn giáo nguyên thủy như thờ *nhiên thần*, thờ *vật tổ*, tín ngưỡng *phồn thực*... Đặc biệt, người Dao Mùn đã có quá trình sáng tạo, Dao hóa rất rõ về Đạo giáo. Họ sáng tạo ra các huyền thoại, truyền thuyết của các vị thần Đạo giáo như *Sự tích Ngọc Hoàng*, *Sự tích Đế Mẫu*, *Sự tích Tam Thanh*, *Sự tích Tam Nguyên*, *Sự tích Trương Thiên Sư*, *Lý Thiên Sư*...

Một nguyên nhân khác như học giả Từ Tổ Tường (徐祖祥) đã nhận xét: nhóm Dao Kiềm Miền và Kiềm Mùn tiếp thu các chi phái Đạo giáo khác nhau. Người Dao Kiềm Miền tiếp thu Đạo giáo phái Lư Mai (閻梅

派). Người Dao nhóm Kiềm Mùn lại tiếp thu Đạo giáo của hai phái: Phái Mai Sơn (梅山派) và phái Hoàn Mãn (完满派) [徐祖祥, 2006: 18-40]. Đặc trưng Đạo giáo của hai phái này đã tạo nên sự khác nhau ở các nghi thức trong lễ cấp sắc. Như vậy, nguyên nhân chủ yếu tạo ra sự khác nhau giữa nhóm Dao Kiềm Miền và Kiềm Mùn là do hai nhóm tiếp thu các chi phái Đạo giáo khác nhau, đồng thời cũng có nguyên nhân cơ tầng của nhóm Dao Kiềm Mùn còn nhiều yếu tố tôn giáo nguyên thủy.

Nghiên cứu sự giống và khác nhau của nhóm Dao Kiềm Miền và Kiềm Mùn bên cạnh việc dựa vào nghi lễ và phân tích nghi lễ còn phải dựa vào phân tích hệ thống các chi phái Đạo giáo mà người Dao tiếp thu. Từ đó, làm rõ sự khác nhau trên các phương diện: độ tuổi, giới tính của đối tượng cấp sắc; cấp bậc và cấp độ của lễ cấp sắc; về không gian thiêng, thời gian thiêng của lễ cấp sắc... Sự khác nhau trong lễ cấp sắc của nhóm Dao Kiềm Miền và nhóm Dao Kiềm Mùn đã phản ánh tính đa dạng trong văn hóa người Dao. Chính nhờ tính đa dạng này mà giá trị của lễ cấp sắc ngày càng được đề cao.

Nghiên cứu sự giống và khác nhau của lễ cấp sắc giữa hai nền Dao Kiềm Miền và Kiềm Mùn dưới góc độ “lịch đại” cho thấy nguồn gốc các chi phái Đạo giáo được người Dao tiếp nhận, đồng thời cũng nêu được các đặc điểm xã hội trong từng thời kỳ; còn nghiên cứu dưới góc độ “đồng đại” lại làm rõ những điểm khác biệt cơ bản giữa hai nhóm Dao. Tính đa dạng văn hóa nổi trội trong lễ cấp sắc của người Dao Kiềm Miền và Dao Kiềm Mùn như bề trảm tích lưu giữ các yếu tố lịch sử tôn giáo, tín ngưỡng, văn hóa tộc người./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Kinh thư của nhóm Dao Kiềm Mùn chia thành hai loại, loại bên Đạo và loại bên Sư, tương ứng với hai dạng thầy cúng Đạo công và Sư công. Kinh thư bên Đạo tương đối giống với sách Kinh thư của nhóm Kiềm Miền, nhưng Kinh thư bên Sư, nhóm Kiềm Miền ít thấy.
- 2 Lễ cấp tên âm cho bé trai hoặc nam giới, có tên âm, khi mất sẽ về được với tổ tiên. Tuy nhiên, bé trai hoặc người đàn ông có tên âm không được cấp âm binh và không được đứng ra thực hành các nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo cho bản thân, cho người khác và cho cộng đồng. Trong điều kiện nếu gia đình quá khó khăn, đàn ông người Dao Kiềm Miền có thể chỉ cần thực hiện lễ Cấp Soái mà ko cần làm lễ Cấp Sắc.
- 3 Làm chay của người Dao Làn Tẻn là lễ tạ ơn tổ tiên cha mẹ của người được cấp sắc, không giống như Đám Chay của người Dao Quần Chẹt là tổ hợp của nội dung cấp sắc và Hoàn Bàn vương nguyên
- 4 Đây là hướng từ Thượng Bát đàn nhìn ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bé Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến (1971), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội.
2. 刘涛 (Lưu Đào, 2021), *蓝靛度戒仪式的人类学研究 (Nghiên cứu nhân học nghi lễ cấp sắc của người Dao Lam Điền)*, Nxb. KHXH, Trung Quốc.
3. 李祥红, 郑艳琼 (Lý Tường Hồng, Trịnh Diễm Quỳnh, 2014), *湖南瑶族抖筛田野调查 (Điều tra điền dã nghi lễ Tầu Sai của người Dao ở Hồ Nam)*, Nxb. Nhạc Lộ thư xã, Trường Sa, Trung Quốc.
4. Phan Ngọc Khuê (2003), *Lễ cấp sắc người Dao Lô Gang ở Lạng Sơn*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
5. Bàn Tuấn Năng (2019), *Lễ cấp sắc người Dao ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
6. 黄贵权 (Hoàng Quý Quyền, 2009), “香碗：云南瑶族文化与民族认同” (Bát hương: văn hóa và bản sắc dân tộc của người Dao ở Vân Nam), *瑶族志 (Dân tộc chí)*, Nxb. Đại học Vân Nam, Trung Quốc.
7. Lý Hành Sơn (2021), *Người Dao Tiền ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội.
8. 徐祖祥 (Tù Tô Tường, 2006), *瑶族的宗教与社会：瑶族道教及其与云南瑶族关系研究 (Tôn giáo và xã hội của dân tộc Dao – nghiên cứu Đạo giáo dân tộc Dao và mối quan hệ giữa nó với dân tộc Dao ở Vân Nam)*, Công ty xuất bản Vân Nam, Trung Quốc.

Abstract

**THE INITIATION RITUAL (*LỄ CẤP SẮC*) OF THE DAO
ETHNIC GROUP: A COMPARATIVE STUDY BETWEEN
DAO KIỀM MIỀN AND DAO KIỀM MÙN SUBGROUPS**

Tran Huu Son

Institute for Research and Application of Culture and Tourism

Studying the similarities and differences in the *lễ cấp sắc* (initiation or ordination ritual) between the Dao Kiềm Mùn and Dao Kiềm Miền subgroups is crucial to understanding the religious and spiritual identity of the Dao people. This article is based on ethnographic fieldwork conducted among these two subgroups in the northern mountainous provinces of Vietnam. It aims to highlight the common elements in the *cấp sắc* rituals shared by both groups. At the same time, the author emphasizes the differences reflected through aspects such as the age and gender of the initiate, the purpose of the ritual, the sacred space in which it is held, and specific ritual procedures.

Keywords: ethnic beliefs, ritual, *lễ cấp sắc* (ordination/initiation), Dao Kiềm Mùn, Dao Kiềm Miền